

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình tại kỳ họp thứ 26 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thẩm tra các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 26 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO (04 BÁO CÁO)

I. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 (lĩnh vực KTNS)

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với các nhận định, đánh giá trong báo cáo số 3217/BC-UBND ngày 22/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội ổn định, kinh tế phục hồi, phát triển với nhiều điểm sáng, có 11/17 chỉ tiêu đều đạt và vượt KH; Tổng thu ngân sách nhà nước, giá trị sản xuất công nghiệp, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu... Báo cáo đã phản ánh khá toàn diện về kết quả thực hiện trên các lĩnh vực, tuy nhiên nhằm đưa ra các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm 2024. Ban Kinh tế ngân sách đề nghị UBND tỉnh bổ sung phân tích, đánh giá cụ thể:

(1) Khả năng thực hiện chỉ tiêu Tốc độ tăng trưởng GRDP của năm 2024 có đạt 8% không và làm rõ các nguyên nhân, những hạn chế, tồn tại tác động trực tiếp đến 05 chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

(2) Đối với các chỉ tiêu ước thực hiện năm 2024: Cần đưa ra các giải pháp cụ thể nào để phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu:

- Phân đầu đến cuối năm 2024 có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo mục tiêu kế hoạch đề ra?

- Mục tiêu di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà đến ngày 31/10/2024 mới di dời được 921/1.905 hộ, đạt 48,3% KH.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 31/10/2024 kết quả giải ngân toàn tỉnh là 2.534.174/6.003.211 triệu đồng, bằng 42,2% KH.

(3) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các chương trình, đề án, các nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế- xã hội trong năm 2024.

(4) Đối với những nhận định, dự báo tình hình, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Ban KT-NS có một số ý kiến như sau:

- Xem xét, đánh giá lại các chỉ tiêu thực hiện năm 2024 có khả thi không, để dự báo các chỉ tiêu phấn đấu năm 2025: Tốc độ tăng trưởng GRDP là 8%, GRDP bình quân đầu người 60 triệu đồng, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 98,7%; tỷ lệ lao động qua đào tạo 40%, số xã đạt 17-18 tiêu chí NTM 13 xã, tỷ lệ độ che phủ rừng 60%, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng 100% và không có chỉ tiêu đưa gia súc ra khỏi gầm sàn.

- Từ những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện theo các ngành, lĩnh vực, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đề xuất giải pháp, biện pháp khắc phục?

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, có giải pháp bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì sự phát triển chung, đồng thời kiên quyết xử lý những trường hợp đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm, làm ách tắc, trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

Qua thẩm tra, Ban KT-NS cơ bản nhất trí với các nội dung UBND tỉnh đã đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế tồn tại và một số nguyên nhân tác động đến kết quả thực hiện thu NSNN: một số chính sách pháp luật có hiệu lực, đã tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước, việc tổ chức bán đấu giá các cơ sở nhà, đất gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan; Nền kinh tế tỉnh phát triển chưa đồng bộ trên các lĩnh vực, nên nguồn thu chưa ổn định và bền vững, các doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản, phụ thuộc vào các yếu tố như trữ lượng tài nguyên khoáng sản, giấy phép khai thác, phụ thuộc vào vốn đầu tư công; Tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách. Sau khi thảo luận, thống nhất, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

(1) Số tiền thuế nội địa nợ đến ngày 31/10/2024 là 152 tỷ đồng, trong đó: nợ khó thu là 49 tỷ đồng; nợ có khả năng thu là 87 tỷ đồng; nợ đang chờ xử lý là 16,5 tỷ đồng. Ước nợ đến 31/12/2024 là 122 tỷ đồng. Đề nghị UBND tỉnh cho biết các biện pháp đôn đốc xử lý nợ đọng thuế và giải pháp đối với các đơn vị nợ lâu ngày tránh để phát sinh thành nợ khó thu?

(2) Kết quả đấu giá quyền sử dụng đất với, đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất hiện còn thấp (*đến 31/10/2024 tổ chức được 04/49 địa chỉ đấu giá và 03/49 địa chỉ đấu giá thành công với tổng số tiền trúng đấu giá là 9.671 triệu đồng*), đề nghị UBND tỉnh cho biết các giải pháp đột phá hơn để tăng số thu từ đấu giá trong thời gian còn lại của năm 2024 và sang năm 2025?

(3) Đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của các đơn vị cấp tỉnh?

(4) Năm 2024 kinh phí bổ sung cho các đơn vị với tổng số tiền 814,436 tỷ đồng, trong đó: cấp tỉnh 329,869 tỷ đồng, cấp huyện 484,567 tỷ đồng, Đề nghị UBND tỉnh cần có các giải pháp điều hành ngân sách hợp lý, hạn chế số bổ sung nhiều lần trong năm đối với một số nội dung chi thực hiện nhiệm vụ giao.

III. Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

Qua thẩm tra, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung:

(1) Số kinh phí tiết kiệm trong đầu tư xây dựng được 63.377 triệu đồng tuy nhiên chưa thể hiện rõ tiết kiệm được bao nhiêu phần trăm so với tổng giá gói thầu? Đề nghị bổ sung làm rõ số kinh phí tiết kiệm trong đầu thầu là bao nhiêu?

(2) Bổ sung nguyên nhân, lý do trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên xử lý 09 vụ chỉ bằng 30% so với năm 2023 và thu phạt là 786 triệu đồng bằng 84% so với năm 2023.

(3) Đối với việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: *“UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ pháp lý của các cơ sở nhà, đất đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu ban hành Quyết định xử lý cơ sở nhà, đất theo phương án tổng thể được phê duyệt”*, đề nghị UBND tỉnh báo cáo hiện nay đạt được bao nhiêu % kế hoạch đã đề ra?

IV. Báo cáo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng.

(1) Điều chỉnh vốn ngân sách địa phương: Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với nội dung UBND tỉnh báo cáo.

(2) Điều chỉnh vốn ngân sách trung ương: Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với nội dung UBND tỉnh báo cáo. Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu cũng như các quy định khác có liên quan đến việc điều chỉnh trên.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT (21 NGHỊ QUYẾT)

I. Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp bãi bỏ các Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành (04 dự thảo Nghị quyết)

Ban Kinh tế - Ngân sách được giao thẩm tra đối với 04 Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 06 Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành gồm:

(1) Tờ trình số 3151/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng chì - kẽm, quặng bauxít giai đoạn 2008 - 2015, có xét đến năm 2025 và Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

(2) Tờ trình số 3101/TTr-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng

tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 và Nghị quyết số 33/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020.

(3)) Tờ trình số 3129/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kiện toàn mạng lưới và chính sách hỗ trợ thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(4)) Tờ trình số 3109/TTr-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 31/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

Qua thẩm tra Ban KTNS có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ dự thảo các Nghị quyết: 04 hồ sơ dự thảo Nghị cơ bản đầy đủ thành phần theo quy định, đủ điều kiện để thẩm tra.

2. Về sự cần thiết và thẩm quyền ban hành các nghị quyết

a) Về thẩm quyền ban hành nghị quyết: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết là đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết bãi bỏ 06 nghị quyết:

(1) Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng chì - kẽm, quặng bauxít giai đoạn 2008 - 2015, có xét đến năm 2025.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thì các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt. Do Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đã tích hợp và thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 17/7/2009 là cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí.

(2) Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thì các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt. Do Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đã tích hợp và thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 là cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí.

(3) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020.

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 có thời gian thực hiện đến ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thì được kéo dài thời gian thực hiện đến thời điểm phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thì các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt.

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đã tích hợp và thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 là cần thiết. Ban KT-NS nhất trí.

(4) Nghị quyết số 33/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020.

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 có thời gian thực hiện đến ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thì được kéo dài thời gian thực hiện đến thời điểm phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch thì các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt.

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đã tích hợp và thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 33/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 là cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí.

(5) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kiện toàn mạng lưới và chính sách hỗ trợ thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Các căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND (*Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004*) đã hết hiệu lực và được thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Nội dung thực hiện của Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND (Điều 1) đã không còn phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, được thay thế nhiều lần: Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 82/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố, chức danh, mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Do đó, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND là cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí.

(6) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 31/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030. Theo Điều 1 Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (*thứ tự số 56 của Phụ lục*) thì các Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (đang còn hiệu lực) sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

Do đã tích hợp và thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND là cần thiết. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo các Nghị quyết: Trình tự, thủ tục xây dựng các dự thảo nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật.

4. Về nội dung các nghị quyết

Qua nghiên cứu nội dung các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình đề nghị bãi bỏ 06 nghị quyết: Ban KT-NS nhất trí.

Tuy nhiên, để thuận lợi trong quá trình theo dõi, tra cứu các Nghị quyết bị bãi bỏ và căn cứ theo mẫu quy định tại phụ lục II kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ. Ban KT-NS thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh để bãi bỏ đồng thời 08 Nghị quyết, cụ thể: Ban Kinh tế - Ngân sách được giao thẩm tra 04 dự

thảo Nghị quyết đề bãi bỏ 06 Nghị quyết, Ban Văn hóa - Xã hội được giao thẩm tra 01 dự thảo Nghị quyết đề bãi bỏ 02 Nghị quyết.

Ban KT-NS thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

II. Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình đầy đủ theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*), đủ điều kiện tiến hành thẩm tra.

2. Về căn cứ, thẩm quyền ban hành nghị quyết: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở.

3. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

1. Miễn 100% phí, lệ phí sau:

a) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường.

2. Hỗ trợ 100% phí thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo KT - KT đầu tư xây.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ một số nội dung như sau:

(1) Về đối tượng áp dụng, Ban KT-NS đề nghị bổ sung (*khoản 2 Điều 2*): Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại được hưởng ưu đãi đối với phần diện tích đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 83 Luật Nhà ở do chủ đầu tư trực tiếp đầu tư xây dựng.

(2) Về nguyên tắc hỗ trợ (*Điều 2*):

- Tại khoản 1 Điều 2, Ban KT-NS đề nghị viết lại cho rõ ràng dễ hiểu theo hướng: “Không hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được quyết định đầu tư trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực”.

- Ban KT-NS đề nghị bổ sung nội dung các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

(3) Về phương thức hỗ trợ (*Điều 3*): Ban KT-NS đề nghị làm rõ nguyên nhân để quy định chủ đầu tư phải ứng trước kinh phí để thực hiện việc thẩm định quy hoạch, thẩm định dự án?

(4) Về các cơ chế hỗ trợ đầu tư cụ thể (*Điều 4*): Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ các nguyên nhân, lý do:

- UBND tỉnh không đề xuất chính sách hỗ trợ thực hiện đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực, bảo đảm đồng bộ hạ tầng xã hội trong và ngoài phạm vi dự án theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở? Căn cứ quy định nào UBND tỉnh chỉ đề nghị HĐND tỉnh miễn và hỗ trợ một số loại phí, lệ phí nêu trong dự thảo nghị quyết?

- Tại Khoản 1, Điều 4, Dự thảo nghị quyết quy định “*Miễn 100% phí, lệ phí*”: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại các đơn vị thu các khoản phí và lệ phí theo quy định để đề xuất: “*Miễn 100% phí, lệ phí*” hay “*Hỗ trợ 100% phí, lệ phí*”?

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, cân đối nguồn lực bổ sung thêm các nội dung: hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kết nối đồng bộ ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội...

(5) Về nguồn kinh phí hỗ trợ (*Điều 5*): Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh làm rõ hằng năm tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ từ các nguồn cụ thể nào? Cần rà soát các khoản thu (tiền sử dụng đất các dự án; tiền thu được từ giá trị tương đương 20% quỹ đất do các Chủ đầu tư phải nộp...) hằng năm trên địa bàn tỉnh để cân đối thêm nguồn lực nhằm có thể thực hiện hỗ trợ thêm một số nội dung thì chính sách ban hành mới thu hút được các nhà đầu tư.

Qua thảo luận, các thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách và các đại biểu mời dự họp thấy rằng: dự thảo nghị quyết cần rà soát, bổ sung quy định thêm một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư để thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các chủ đầu tư đến đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh cần xem xét cụ thể, kỹ lưỡng và chưa thông qua tại Kỳ họp cuối năm 2024, cho phép UBND tỉnh tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo nghị quyết đảm bảo tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các chủ đầu tư đến đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh và trình dự thảo nghị quyết tại kỳ họp tiếp theo.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

III. Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2025

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, dẫn đến một số nội dung của Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND không còn phù hợp, một số nội dung đã được quy định cụ thể, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 thay thế Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 02/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết: gồm có 05 điều, trong đó Điều 2 quy định Nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cụ thể: gồm 17 khoản (chi tiết như dự thảo gửi kèm theo).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình cơ bản đã làm rõ và giải quyết những vấn đề còn vướng mắc tại Báo cáo thẩm tra số 460/BC-HĐND ngày 23/9/2024 của Ban KT-NS HĐND tỉnh về thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 tại Kỳ họp thứ 22 (chuyên đề) nhằm hoàn thiện nội dung dự thảo nghị quyết.

(2) Về Phạm vi điều chỉnh: Đề nghị UBND tỉnh khẳng định khi ban hành nghị quyết thay thế Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 02/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh không ảnh hưởng đến các nội dung liên quan thuộc 02 CTMTQG (CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; CTMTQG xây dựng nông thôn mới).

(3) Đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ đưa ra các mức chi? Căn cứ đưa ra một số mức chi cụ thể như: Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP không quá 47,5 triệu đồng/điểm?

(4) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung giới hạn mức tối đa: đối với một số mức chi chỉ quy định tỉ lệ phần trăm (%) mà không quy định giới hạn mức tối đa (tại các khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết).

Ban KT-NS thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

IV. Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo do UBND tỉnh trình đảm bảo theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trình HĐND tỉnh là đúng thẩm quyền HĐND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ quy định về chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Về nội dung Nghị quyết

- Phân cấp thẩm quyền cho Sở Công thương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn từ 02 huyện trở lên.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Nội dung dự thảo Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật và phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Tuy nhiên, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung, chỉnh sửa và làm rõ đối với một số nội dung sau:

(1) Đối tượng áp dụng (Điều 2): Dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng áp dụng: “... **người có thẩm quyền** quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước” là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa thành: “2. *Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị được phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan*”.

(2) Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Điều 3): Phân cấp cho Sở Công Thương thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh từ 02 huyện trở lên. Tuy nhiên, tại văn bản tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Công Thương không nhất trí với nội dung phân cấp cho Sở Công Thương (Công văn số 2094/SCT-QLNL ngày 23/10/2024) và nội dung giải trình của Sở Tài chính là phân cấp cho Sở Công Thương để thực hiện chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh phân cấp là chưa đầy đủ căn cứ theo quy định. Để việc phân cấp đúng quy định, đúng thẩm quyền,

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, khẳng định chức năng, thẩm quyền của Sở Công thương là đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

(3) Tại Công văn số 3646/PCCB-KHVT ngày 15/11/2024 của Công ty Điện lực Cao Bằng về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân các công trình điện có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, tính đến thời điểm hiện nay có **03 công trình điện** được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh và Công ty Điện lực Cao Bằng chưa nhận được văn bản đề nghị nào của bên giao về việc chuyển giao công trình điện. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục giải trình, làm rõ mức độ, sự cần thiết ban hành nghị quyết, tính khả thi, hiệu quả thực hiện sau khi ban hành nghị quyết?

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

V. Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo do UBND tỉnh trình đảm bảo theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP bổ sung thêm 15 Điều so với Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và quy định trách nhiệm của HĐND tỉnh ban hành quy định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương trong một số trường hợp. Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND để phù hợp với Nghị định số 114/2024/NĐ-CP là cần thiết.

Mặt khác, theo Kết luận kiểm tra số 86/KL-KTrVB ngày 10/10/2024 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp, Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND có nội dung trái pháp luật, cụ thể: Quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2022/NQ-HĐND không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Vì vậy, việc xây dựng, ban hành Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về nội dung Nghị quyết

Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công trong 11 trường hợp: (1) Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao); (2) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Khai thác tài sản công; (4) Thu hồi tài sản công; (5) Điều chuyển tài sản công; (6) Bán tài sản công; (7) Quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; (8) Thanh lý tài sản công; (9) Tiêu hủy tài sản công; (10) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; (11) Điều chuyển tài sản dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

- Nội dung dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng là phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật và phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của dự thảo Nghị quyết đã được thực hiện tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

- Một số nội dung cụ thể Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bổ sung, chỉnh sửa và làm rõ đối với một số nội dung sau:

(1) Về nội dung phân cấp thẩm quyền hay quy định thẩm quyền:

- Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP: “*HĐND cấp tỉnh quyết định hoặc **phân cấp** thẩm quyền quyết định*” nhưng theo quy định của Nghị định số 114/2024/NĐ-CP: “*HĐND tỉnh **quy định** thẩm quyền quyết định*”, dự thảo Nghị quyết xây dựng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công là: “*phân cấp thẩm quyền quyết định*”. Tuy nhiên, có một số nội dung trong dự thảo nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền đến cá nhân - người đứng đầu.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để thống nhất HĐND cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định và điều chỉnh toàn bộ các nội dung “*phân cấp thẩm quyền quyết định cho cá nhân*” thành “*phân cấp thẩm quyền quyết định cho cơ quan, tổ chức*” để phù hợp với các quy định pháp luật.

(2) Đối với dự thảo Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết:

- Tại khoản 1 Điều 1 đề nghị bổ sung nội dung: “*Quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp*”. Đồng thời chỉnh sửa lại như sau: “*Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm: mua sắm; thuê; khai thác; thu hồi; điều chuyển; bán; ...*”.

- Tại Điều 4, đề nghị bổ sung nội dung: “*phù hợp với quy định của HĐND tỉnh về quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định thẩm quyền quyết*

định việc mua sắm thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

- Tại Điều 5, dự thảo chưa phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với các loại tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và các phương tiện vận tải khác). Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bổ sung và rà soát, chỉnh sửa toàn diện nhằm đảm bảo thẩm quyền các chủ thể được giao thẩm quyền quyết định với mức tương ứng quy định tại Nghị quyết số 94/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 và Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh. Cụ thể:

- Về đối tượng được quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công: Ban KT-NS đề nghị bổ sung thêm Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công của UBND tỉnh.

- Đối với định mức quyết định mua sắm tài sản công: Ban KT-NS đề nghị quy định định mức thống nhất và tương đồng với các mức đã quy định tại Nghị quyết số 94/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND, như sau:

+ UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản, trang thiết bị đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên/01 gói mua sắm.

+ Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương quyết định đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có giá trị dưới 10 tỷ đồng/01 gói mua sắm.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thành phố hoặc tương đương quyết định mua sắm tài sản, trang thiết bị đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có giá trị dưới 10 tỷ đồng/01 gói mua sắm.

+ Ủy ban nhân dân xã quyết định mua sắm tài sản, trang thiết bị có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 gói mua sắm.

- Tại khoản 8 Điều 5, chưa quy định cụ thể được đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công. Ban KT-NS đề nghị bổ sung cụ thể đơn vị được phân cấp thẩm quyền.

- Tại Điều 6, đề nghị bỏ cụm từ: *“phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị”* trong tiêu đề Điều 6.

- Tại Điều 7, Ban KT-NS đề nghị: Sửa tiêu đề Điều 7 thành *“Điều 7. Thẩm quyền **quyết định** khai thác tài sản công”*; Xem xét bổ sung thẩm quyền của UBND tỉnh trong xử lý các tài sản lớn (Nhà khách giao tế, Trung tâm hội nghị tỉnh... tài sản của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh).

- Tại khoản 1 của các Điều: 8, 9, 10, 12: Ban KT-NS đề nghị lược bỏ cụm từ : *“trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan”*.

- Tại khoản 2 Điều 8: Ban KT-NS đề nghị xem xét lại thẩm quyền đối với nội dung: *“2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương quyết định*

thu hồi tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác của cơ quan, đơn vị”, vì việc quy định như trên có nghĩa là các đơn vị có thẩm quyền tự thu hồi tài sản của đơn vị đang quản lý.

- Tại khoản 1 Điều 9: Đề nghị bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân”.

- Tại Điều 11: “UBND tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá”, việc quy định như trên chưa đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP¹. Ban KT-NS đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại.

- Ban KT-NS đề nghị bổ sung thêm 01 chương vào dự thảo quy định: Chương III. Tổ chức thực hiện.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h00 ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

VI. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết cơ bản đầy đủ, phù hợp với quy định, đủ điều kiện để tiến hành thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình và HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 là cần thiết, phù hợp thực tiễn, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025, gồm 529 dự án, công trình; tổng diện tích đăng ký thu hồi đất là 964,4 ha. Trong đó:

- Dự án, công trình đăng ký mới: 217 dự án, công trình; diện tích đăng ký thu hồi đất là 175,24 ha;

- Dự án, công trình chuyển tiếp thực hiện: 312 dự án, công trình; diện tích đăng ký thu hồi đất là 789,16 ha.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

a) Về kết quả thực hiện thu hồi đất của các dự án, công trình đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án năm 2024

¹ Quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, HĐND cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương”.

(1) Rà soát, làm rõ cơ sở, tính chính xác đối với số liệu về tổng diện tích thu hồi của 554 dự án, công trình là 1.684,64 ha vì theo thống kê tại 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành thì tổng diện tích thu hồi là 1.614,515 ha.

(2) Xác định số liệu chính xác về số dự án, công trình chuyển tiếp thực hiện vì theo báo cáo (*Báo cáo số 3124/BC-UBND ngày 15/11/2024*) là 265/554 nhưng theo Tờ trình (*Tờ trình số 3122/TTr-UBND ngày 15/11/2024*) thì là 312, tăng 47 dự án, công trình.

b) Về danh mục các dự án, công trình đăng ký thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 có nội dung chưa phù hợp với quy định pháp luật về đất đai

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết và các cơ quan có liên quan rà soát làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết, tính phù hợp trong việc đưa các dự án, công trình danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết nhưng chưa đảm bảo đúng, đủ theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể:

**** Đối với các dự án, công trình đăng ký mới***

(1) Có một số dự án, công trình được đưa vào danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết nhưng không thuộc diện thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79 Luật Đất đai). Qua rà soát chưa toàn diện, chính xác hết 529 dự án, công trình nhưng đã phát hiện có 14 dự án, công trình không phù hợp, gồm:

- Dự án Trung tâm Công an tỉnh Cao Bằng: Đây là dự án phục vụ quốc phòng, an ninh nên đề nghị thu hồi 0,05 ha đất rừng sản xuất (*diện tích nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh*) theo Điều 79 Luật Đất đai là không phù hợp.

- Có 08 dự án không thuộc khoản 27 Điều 79, cụ thể: (1) Dự án Khu tái định cư tại xóm Án Lại (bãi đá), huyện Hòa An; (2) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Năm Pất, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc; (3) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Lũng Vài, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc; (4) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Phiêng Châu 2, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc; (5) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Bản Ổ, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc; (6) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Nà Tổng, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc; (7) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xóm Thôm Quan, xã Phan Thanh, huyện Bảo Lạc; (8) Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai Tổ dân phố 3 và Tổ dân phố 5, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc

- Có 05 dự án không thuộc khoản 29 Điều 79, cụ thể: (1) Tái định cư xóm Nà Thôm, xã Vĩnh Phong, huyện Bảo Lâm; (2) Tái định cư xóm Nà Ca, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm; (3) Tái định cư Nà Síc, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm; (4) Tái định cư xóm Khai Piao, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm; (5) Dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

(2) Có 183 công trình, dự án được đưa vào danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết nhưng không đủ căn cứ, điều kiện thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (khoản 1 Điều 80 Luật Đất đai).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Đất đai, căn cứ, điều kiện để thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cần có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, có 183 dự án, công trình chưa có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, mà căn cứ pháp lý chủ yếu là Nghị quyết phân bổ vốn ngân sách nhà nước, Nghị quyết kế hoạch đầu tư công.... *(Việc áp dụng đưa vào danh mục dự án, công trình đăng ký thu hồi đất khi có Quyết định kế hoạch giao vốn đã không còn phù hợp với khoản 1 Điều 80 Luật Đất đai năm 2024).*

(3) Có 21 dự án, công trình được đưa vào danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết nhưng không phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Theo quy định thì Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (*khoản 4 Điều 60 Luật Đất đai*); Việc thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải căn cứ quy định tại Điều 79 Luật Đất đai, đồng thời Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (*khoản 1 Điều 80 Luật Đất đai*). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai thì trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất.

Như vậy, tại thời điểm HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất thì tên các công trình, dự án chưa có trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện của năm hiện tại nhưng sẽ được cập nhật, bổ sung ngay trong năm kế tiếp (*Nghị quyết năm 2024 sẽ bổ sung cập nhật trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025*). Tuy nhiên, các công trình, dự án phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (*được điều chỉnh, bổ sung*).

Qua rà soát chưa toàn diện, chính xác hết 529 dự án, công trình nhưng đã phát hiện có 21 dự án, công trình không phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

- Huyện Nguyên Bình: Mương thủy lợi xã Yên Lạc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (Nhánh 1 - Chi Đồi, Tàn Pà; Nhánh 2- Ngàm Tổng - Lũng Chang);

- Huyện Thạch An: Mương Nà Sli, xóm Slảng Péc TT Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Công trình giao thông đường Pác Sliếng - Nà Mạ- Nà Chia, xã Canh Tân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Mở mới, bê tông đường Hồ Pia- Slòng Nạn, xóm Bản Viện, xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Bê tông đường Nà Quan - Đông rở, xóm Tân Thành, xã Canh Tân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xóm Nà Ngải, xã Lê Lai, huyện Thạch An; Khu tái định cư tại xóm Án Lại (bãi đá)

- Huyện Bảo Lạc: Các dự án bố trí dân cư vùng thiên tai

- Huyện Bảo Lâm: Các dự án tái định cư do nguy cơ sạt lở

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết rà soát kỹ lưỡng, chính xác, chịu trách nhiệm về phù hợp với quy hoạch sử dụng đất khi trình; tránh tình trạng trình tới HĐND tỉnh nhưng chất lượng tổng hợp, rà soát rất thấp, dẫn tới mất nhiều thời gian thẩm tra, đối chiếu vì số lượng công trình, dự án là rất lớn.

Đồng thời, đề nghị giải trình, làm rõ nguyên nhân về việc Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện của 09 huyện (trừ thành phố Cao Bằng) mới được phê duyệt điều chỉnh nhưng còn rất nhiều dự án, công trình đã có kế hoạch giao vốn, có trong kế hoạch đầu tư công... mà không được cập nhật vào danh mục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

(4) Có một số công trình, dự án được đưa vào danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết là những công trình, dự án độc lập nhưng có thể là cùng 01 Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án

Việc thống kê thành nhiều công trình, dự án khi có chung 01 Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án dẫn tới làm tăng số lượng công trình, dự án. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết rà soát danh mục các dự án, công trình đảm bảo thống nhất, phù hợp giữa các phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết.

(5) Có dự án đã được chuyển tiếp nhiều năm chưa thực hiện, đã đưa ra khỏi danh mục thu hồi đất năm 2024 nhưng đến nay được đăng ký mới trong danh mục các dự án, công trình thu hồi đất năm 2025 mà không có báo cáo bổ sung về nguyên nhân, sự phù hợp, tính khả thi (*Ví dụ: Dự án khu đô thị Bắc Sông Hiến*). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết báo cáo bổ sung về căn cứ pháp lý, sự phù hợp, tính khả thi khi đưa các công trình đã được loại bỏ khỏi danh mục trong giai đoạn trước đây vào danh mục thực hiện năm 2025.

*** Đối với các dự án, công trình đăng ký chuyển tiếp thực hiện**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai thì: Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Qua rà soát chưa toàn diện, chính xác hết 529 dự án, công trình nhưng đã phát hiện có 162 dự án, công trình chuyển tiếp đang áp dụng cho thời hạn 03 năm là không phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai. Các công trình này phải được xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết rà soát lại danh mục các dự án, công trình chuyển tiếp, xác định thêm các công trình, dự án chưa có quyết định thu hồi đất, không đủ điều kiện để chuyển tiếp. Từ đó xem xét đưa vào danh

mục đăng ký mới ở Nghị quyết phù hợp, không tiếp tục chuyển tiếp hoặc cho ngay vào danh mục công trình, dự án đăng ký mới của Nghị quyết kế tiếp.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến nêu trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h00 ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

VII. Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết cơ bản đầy đủ, phù hợp với quy định, đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 là cần thiết, phù hợp thực tiễn, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó:

- Dự án, công trình đăng ký mới: 174 dự án, công trình; diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất: đất trồng lúa: 40,6 ha; đất rừng đặc dụng: 0,16 ha; đất rừng phòng hộ: 46,13 ha; đất rừng sản xuất: 38,74 ha.

- Dự án, công trình chuyển tiếp do điều chỉnh diện tích và bổ sung rừng sản xuất: 93 dự án, công trình; trong đó: đất trồng lúa: 38,32 ha; đất rừng đặc dụng: 0,44 ha; đất rừng phòng hộ: 111,2 ha; đất rừng sản xuất: 122 ha.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa và làm rõ đối với một số nội dung sau:

(1) Rà soát các ý kiến thẩm tra đối với dự thảo thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025, để điều chỉnh dự thảo Nghị quyết, phụ lục kèm theo đảm bảo tính chính xác, thống nhất giữa 02 Nghị quyết.

(2) Rà soát, bổ sung các căn cứ pháp lý để làm rõ dự án, công trình thuộc loại hình dự án nào bảo đảm phù hợp về quy định các trường hợp nhà nước thu hồi đất. Cập nhật đầy đủ các dự án, công trình thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh (*không có trong danh mục Nghị quyết thu hồi đất*) mà có chuyển mục đích sử dụng đất vào phụ lục của dự thảo Nghị quyết.

(3) Rà soát, điều chỉnh bổ sung để khắc phục tình trạng một số dự án, công trình có sử dụng đất đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất nhưng không có trong danh mục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất. Ngược lại, một số dự án, công trình có tên trong danh mục dự án đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất nhưng không có trong danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất. Cụ thể:

- Các dự án có trong danh mục cần thu hồi đất nhưng không có trong danh mục các công trình dự án đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, ví dụ:

+ Huyện Bảo Lạc: Dự án Cấp nước sinh hoạt Khuổi Pẩu, xóm Nà Đứa, xã Thượng Hà; Dự án Trường mầm non xã Cô Ba; Trạm y tế xã Thượng Hà, ...

+ Huyện Thạch An: Nước sinh hoạt tập trung Khuổi Mạ, xóm Cạm Khàng, xã Trọng Con; Nước sinh hoạt tập trung Sộc Coóc, thôn Kéo Quý, xã Đức Thông; Nhà văn hóa xóm Pồ Lài xã Trọng Con; Nhà văn hóa xóm Tân Lập xã Quang Trọng...

+ Huyện Hà Quảng: Xây mới nhà văn hóa xóm Mai Nưa, Thị trấn Xuân Hòa; Xây mới nhà văn hóa Tổ phố 5, thị trấn Thông Nông; Đường nội đồng Cốc Vường (Mở mới đoạn 150m - Bê tông toàn tuyến dài 446m); Mở mới đường GTNT Lũng Chuổng - Tiêng Lắm, xã Nội Thôn; Đường nội đồng Kéo Sỷ - Lũng Cáo - Lũng Cáo Nhỏ, xã Tổng Cọt; Xây dựng, cải tạo, CQT, nâng cao ĐTCCCD, giảm TTDN lưới điện khu vực huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng năm 2025 (xã Nội Thôn)...

- Các dự án có trong danh mục các công trình dự án đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trong nhưng không có trong danh mục cần thu hồi đất, ví dụ:

+ Huyện Bảo Lạc: Nhà văn hóa xóm Phiêng Buồng, xã Hưng Thịnh; Đường GTNT Bản Buồng - Bằng Thành, xã Đình Phùng; Đường giao thông Nà Luông - Nà Quy, xã Khánh Xuân; Đường giao liên xã Hưng Đạo - Phan Thanh (Đoạn Nà Lặng - Ngàm Càng); Đường GTNT Bản Rừng - Khuổi Bốc - Cốc Pục, xã Bảo Toàn; Đường GTNT Nà Vi - Nà Ma, xã Cô Ba; Đường Vằng Linh (Xã Kim Cúc) - Khuổi Sá (Xã Hưng Thịnh)...

+ Huyện Thạch An: Đường Bê tông Kéo Ngoọng - Pác Bốc, xóm Tân Hòa, xã Canh Tân; Đường sản xuất Khuổi Kện - Nà Luông, xã Thái Cường...

(4) Rà soát, điều chỉnh danh mục, chuyển các dự án đã được thông qua chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết trước nhưng hiện nay có thêm đất rừng sản xuất sang phụ lục chuyển tiếp có điều chỉnh diện tích để phù hợp, do các dự án này không phải đăng ký mới (ví dụ: *huyện Hạ Lang: 02 dự án; huyện Trùng Khánh: 06 dự án; thành phố: 2 dự án*).

(5) Đối với phụ lục các công trình chuyển tiếp, bổ cục lại phụ lục, bổ sung thêm thông tin các nội dung: Diện tích đã thông qua tại Nghị quyết lần đầu, diện tích chuyển mục đích đã thông qua năm 2024, diện tích đăng ký chuyển mục

đích năm 2025, Chênh lệch diện tích (tăng +; giảm -) năm 2025 so với năm 2024, lý do cụ thể việc thay đổi diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến nêu trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h00 ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

VIII. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

3.1. Các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2023

- Dự toán ngân sách tỉnh Cao Bằng năm 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 như sau:

+ *Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.838.000 triệu đồng* (Thu nội địa: 1.638.000 triệu đồng; Thu từ hoạt động XNK: 1.200.000 triệu đồng).

+ *Thu NSDP: 13.289.009 triệu đồng* (Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 1.527.546 triệu đồng; Thu bổ sung từ NS cấp trên: 11.761.463 triệu đồng).

+ *Chi ngân sách địa phương: 13.277.709 triệu đồng* (Chi cân đối ngân sách địa phương: 8.690.601 triệu đồng, gồm chi đầu tư phát triển 1.113.551 triệu đồng, chi thường xuyên 7.401.712 triệu đồng, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.300 triệu đồng, chi dự phòng ngân sách 174.038 triệu đồng; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 4.270.962 triệu; Chi từ nguồn tăng thu: 316.146 triệu đồng).

- Ngày 27/4/2023 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND về việc Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương, theo đó: HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh giảm chi thường xuyên số tiền là 339.000 triệu đồng, điều chỉnh tăng chi đầu tư phát triển số tiền là 339.000 triệu đồng.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi NS năm 2023

(1) Kết quả thực hiện thu ngân sách

- *Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn* năm 2023 đạt 2.120/2.838 tỷ đồng, bằng 74% dự toán (trong đó: thu nội địa đạt 1.325 tỷ đồng, bằng 80,89% dự toán; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 755 tỷ đồng, bằng 62% dự toán).

- *Tổng thu NSDP* đạt 18.262.275 tỷ đồng, bằng 137% dự toán (trong đó: Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 1.290,956 tỷ đồng, bằng 85%; thu bổ sung từ ngân sách Trung ương 12.230,026 tỷ đồng, bằng 104%; thu viện trợ 8,482 tỷ đồng, thu kết dư 6,955 tỷ đồng; thu chuyển nguồn từ năm trước sang 4.717,431 tỷ đồng).

* ***Ý kiến đánh giá của Ban KT-NS:*** Năm 2023, là năm thứ 2 thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách (giai đoạn 2022-2025); là năm giữa nhiệm kỳ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm 2021- 2025, là năm tiếp tục đẩy mạnh việc phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn về thị trường, nguồn lực tài chính... ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác thu ngân sách của địa phương, trong công tác quản lý thu NS còn một số nội dung:

- *Đối với thu NSNN trên địa bàn:* Nhiều khoản thu còn đạt thấp so với dự toán: Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý thực hiện 111 tỷ đồng (55% dự toán); Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý thực hiện 61 tỷ đồng (63% dự toán); Thu lệ phí trước bạ thực hiện 74 tỷ đồng (94% dự toán); Thu thuế bảo vệ môi trường thực hiện 73 tỷ đồng (55% dự toán); Thu phí *cửa khẩu* đạt 8 tỷ đồng (89% dự toán); Thu tiền sử dụng đất thực hiện 72 tỷ đồng (14% dự toán).

- *Đối với thu ngân sách địa phương:* Ban KT- NS thấy số thu ngân sách địa phương tăng so với dự toán chủ yếu là **do thu chuyển nguồn từ 2022 sang** (4.717,431 tỷ đồng, chiếm 25,83% tổng thu NSDP); số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp chỉ đạt: 1.290,956 tỷ đồng, bằng 85%, tuy nhiên, nếu không tính số thu từ sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết thì số thu được đạt 110% so với HĐND tỉnh quyết định, tăng thu ngân sách 142,817 tỷ đồng; Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương 12.230,026 tỷ đồng (bằng 104% dự toán); thu viện trợ 8,482 tỷ đồng, thu kết dư 6,955 tỷ đồng; thu chuyển nguồn từ năm trước sang 4.717,431 tỷ đồng.

(2) Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP năm 2023 là 18.242,650 tỷ đồng, bằng 137% DT, trong đó:

- Chi cân đối đạt 7.459,386/8.690,601 tỷ đồng, bằng 86% dự toán (Chi đầu tư phát triển 719,036/1.452,551 tỷ đồng, bằng 50% dự toán; Chi thường xuyên: 6.571,625/7.062,712 tỷ đồng, bằng 93% dự toán; Chi trả nợ lãi, phí tiền vay 3,266 tỷ đồng; Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,3 tỷ đồng, bằng 100% dự toán; Dự phòng ngân sách 164,158 tỷ đồng, bằng 94% dự toán);

- Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau 5.138,111 tỷ đồng;

- Chi trả nợ gốc các khoản vay 22,310 tỷ đồng;

- Chi nộp trả ngân sách cấp trên 764,337 tỷ đồng;

- Chi các Chương trình mục tiêu: 4.858,506 tỷ đồng, bằng 114% dự toán.

*** Ý kiến đánh giá của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Kết quả thực hiện chi ngân sách trong năm 2023 còn một số tồn tại, đó là:

- Chi đầu tư phát triển (vốn cân đối ngân sách địa phương) chỉ đạt 719,036/1.452,551 tỷ đồng, bằng 50% dự toán.

- Số chi chuyển nguồn sang năm sau lớn **5.138,111** tỷ đồng (28,16% tổng chi NSDP), trong đó một số nội dung có số chuyển nguồn lớn: (1) Chi đầu tư phát triển 2.192,895 tỷ đồng²; (2) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9: 432,609 tỷ đồng³; (3) Các khoản tăng thu được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau: 1.446,741 tỷ đồng⁴; (4) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 134,026 tỷ đồng⁵; (5) Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: 829,599 tỷ đồng⁶..., tình trạng này ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn lực NSNN.

- Kinh phí nộp trả ngân sách cấp trên lớn (764,337 tỷ đồng), trong đó: Ngân sách tỉnh nộp trả ngân sách trung ương đối với nội dung vốn đầu tư hết nhiệm vụ chi là 584,135 tỷ đồng.

3.3. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán NN năm 2023

Kết quả thực hiện đến thời điểm 31/8/2024 như sau:

(1) *Kiến nghị xử lý tài chính:* Tổng kiến nghị của KTNN là: 23.859 triệu đồng; Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 23.818 triệu đồng; Tổng số kiến nghị còn tồn chưa thực hiện là: 41 triệu đồng.

(2) *Kiến nghị khác:* Tổng kiến nghị của KTNN là: 89.348 triệu đồng; Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 88.766 triệu đồng; Tổng số kiến nghị còn tồn chưa thực hiện là: 582 triệu đồng.

3.4. Kết dư ngân sách năm 2023

Tổng số kết dư ngân sách địa phương: **19,625** tỷ đồng.

3.5. Kiến nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:

(1) Nội dung quyết toán năm 2023 UBND trình HĐND tỉnh phê chuẩn cơ bản đã phản ánh đầy đủ các nội dung thu, chi ngân sách năm 2023, các số liệu được xác định trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của các địa phương, các ngành. Các số liệu đã được Kiểm toán nhà nước khu vực X tiến hành kiểm toán và có báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, Ban KTNS nhất trí thông qua số liệu quyết toán năm 2023 như UBND tỉnh trình.

² Trong đó: cấp tỉnh 1.201,683 tỷ đồng, cấp huyện 987,116 tỷ đồng, cấp xã 4,096 tỷ đồng.

³ Trong đó: cấp tỉnh 366,023 tỷ đồng, cấp huyện 56,963 tỷ đồng, cấp xã 9,623 tỷ đồng.

⁴ Trong đó: cấp tỉnh 1.104,184 tỷ đồng, cấp huyện 332,690 tỷ đồng, cấp xã 9,867 tỷ đồng.

⁵ Trong đó: cấp tỉnh 79,979 tỷ đồng, cấp huyện 50,524 tỷ đồng, cấp xã: 3,523 tỷ đồng.

⁶ Trong đó: cấp tỉnh 143,189 tỷ đồng, cấp huyện 595,432 tỷ đồng, cấp xã 90,978 tỷ đồng.

(2) Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung và giải trình các nội dung:

- Báo cáo bổ sung tổng số nợ thuế đến hết năm 2023 của toàn tỉnh; Tỷ lệ nợ có khả năng thu/Tổng thu.

- Báo cáo số chi của các lĩnh vực so với Nghị quyết của HĐND tỉnh và giải trình lý do nếu có sự thay đổi (tại biểu số 52/NĐ31 của dự thảo Nghị quyết);

- Ngân sách tỉnh nộp trả ngân sách trung ương đối với nội dung vốn đầu tư hết nhiệm vụ chi là 584,135 tỷ đồng. Vậy mục tiêu, hiệu quả đầu tư của các dự án đầu tư có đạt được theo mục tiêu đầu tư không?

- Lý do chi đầu tư phát triển (vốn cân đối NSDP năm 2023) chỉ đạt 719,036/1.452,551 tỷ đồng, bằng 50% dự toán.

(3) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của kiểm toán nhà nước khu vực X đã nêu kèm công văn số 115/KTNN-TH ngày 29/7/2024 về việc gửi báo cáo kiểm toán NSDP năm 2023 của tỉnh Cao Bằng và các kiến nghị của kiểm toán từ các năm trước chưa được giải quyết dứt điểm.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

IX. Nghị quyết quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ các khoản 1, 2, Điều 30, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.089.000 triệu đồng (trong đó, Thu nội địa: 1.399.000 triệu đồng; Thu từ hoạt động XNK: 690.000 triệu đồng). Thu ngân sách địa phương: 15.026.024 triệu đồng (trong đó Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 1.265.948 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 13.729.512 triệu đồng; Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 30.564 triệu đồng).

- Tổng chi ngân sách địa phương: 15.005.824 triệu đồng (trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương: 10.967.706 triệu đồng; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 3.926.630 triệu đồng; Chi từ nguồn tăng thu: 111.488 triệu đồng).

- Dự toán thu từ các khoản cho vay của nhà nước (phần các chủ dự án phải trả): 12.212 triệu đồng

- Dự toán Ghi thu, ghi chi: 8.001.325.135 đồng

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - ngân sách như sau:

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh rà soát, giải trình bổ sung đối với một số nội dung sau:

(1) Về nội dung dự toán thu ngân sách

Tổng thu Ngân sách địa phương năm 2024: là 15.026.024 triệu đồng tăng 10% so với ước thực hiện năm 2024. Ban KTNS nhận thấy số thu đưa ra cho năm 2024 là phù hợp với tình hình địa phương. Đề nghị đánh giá bổ sung thêm:

- Dự toán thu NSNN Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trình HĐND tỉnh quyết định 2.089.000 triệu đồng (tăng 123.000 triệu đồng, bằng 6,2% so với dự toán Trung ương giao), đề nghị đánh giá sự phù hợp so với chỉ tiêu thu ngân sách theo mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh (tăng 12%)? Tính khả thi việc tăng thu sử dụng đất hơn 22,6%?

- Đối với nội dung Thu tiền sử dụng đất 211.000 triệu đồng tương đối lớn, trong khi Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chỉ là 895 triệu đồng (bằng năm 2024), đề nghị làm rõ căn cứ đưa ra mức trên?

- Dự toán năm 2025, Số thu của một số khoản có mức giảm khá lớn so với ước thực hiện 2024, đề nghị làm rõ thêm nguyên nhân lý do:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 58%, (trong đó Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 86%).

+ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết giảm 7% (trong đó Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 26%; Thu từ thu nhập sau thuế giảm 66%).

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giảm 34%.

(2) Về nội dung dự toán chi ngân sách

Tổng chi NSDP năm 2025 là 15.005.824 triệu đồng, tăng 11% so với dự toán năm 2024 (chi cân đối NSDP là 10.967.706 triệu đồng, tăng 17% so với dự toán 2024, trong đó chi thường xuyên tăng 19%, Chi đầu tư phát triển tăng 2% so với dự toán năm 2024). Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị giải trình làm rõ một số nội dung:

- UBND tỉnh khẳng định xây dựng dự toán đối với các nội dung: Tỷ lệ tiết kiệm 10% đảm bảo đúng theo quy định? Tỷ lệ dự phòng ngân sách 2% đảm bảo đúng theo quy định?

- UBND tỉnh khẳng định việc bố trí kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sự nghiệp giáo dục và đào tạo đảm bảo đúng theo số kinh phí trung ương quy định?

- Dự toán ghi thu, ghi chi: 8.001.325.135 đồng, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát kỹ và khẳng định số liệu chính xác, không phải thực hiện chỉnh sửa dự toán như năm 2024.

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức và ngân sách cấp huyện: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên và nhiệm vụ cụ thể được tỉnh giao hàng năm theo các chương trình, đề án của tỉnh đã được UBND tỉnh rà soát, tổng hợp đầy đủ trong dự toán giao đầu năm? Hạn chế tình trạng nhiệm vụ chi của các đơn vị, địa phương được tỉnh giao hàng năm theo các chương trình, đề án của tỉnh nhưng chưa tổng hợp đầy đủ phải điều chỉnh, bổ sung dự toán trong năm.

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của các huyện, thành phố: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh khẳng định số liệu dự toán đảm bảo các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi và giải trình thêm về số dự toán tăng giữa các đơn vị (ví dụ: tăng thấp nhất là huyện Bảo Lâm: tăng 17,2%, tăng cao nhất là thành phố: tăng 29,8%?

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung thêm nội dung bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 94/2024/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng?

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

X. Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh Cao Bằng trình HĐND tỉnh là phù hợp, đúng thẩm quyền HĐND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 19 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

3. Về nội dung Nghị quyết:

Nghị quyết bao gồm các nội dung cơ bản: Mục tiêu tổng quát; Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2025: Chỉ tiêu kinh tế: gồm 07 chỉ tiêu, Chỉ tiêu văn hóa - xã hội: gồm 06 chỉ tiêu, Các chỉ tiêu về môi trường: gồm 04 chỉ tiêu; Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung dự thảo thuyết minh Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng.

(2) Đối với mục tiêu “*Phần đầu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025⁷, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng⁸*” Ban KT-NS nhất trí với mục tiêu trên. Tuy nhiên, theo báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024: có 05 chỉ tiêu không đạt, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát các nội dung, chỉ tiêu dự kiến năm 2025 trong dự thảo Kế hoạch đảm bảo tính khả thi, có cơ sở, căn cứ tính toán. Một số chỉ tiêu, mục tiêu rất khó thực hiện đạt theo kế hoạch, UBND tỉnh đưa ra mục tiêu cao có đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế không? cụ thể:

- Tốc độ tăng sản phẩm trên địa bàn (GRDP): trong giai đoạn 2021-2024 đang xây dựng phương án GRDP tăng 8%. Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện trong cả giai đoạn 2021-2024 chưa năm nào đạt kế hoạch (cụ thể: năm 2021 là 3,34%, năm 2022 là 5,04%, năm 2023 là 2,24%, năm 2024 ước tăng 7%. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình thêm các căn cứ, giải pháp thực hiện để xây dựng chỉ tiêu GRDP trong năm 2025 tăng 8%?

- GRDP bình quân đầu người: năm 2024 là ước thực hiện 45,98 triệu đồng, Nghị quyết HĐND là 46,96 triệu đồng. Tuy nhiên, năm 2025 UBND tỉnh xây dựng chỉ tiêu là 60 triệu đồng (năm 2023 kết quả chỉ đạt 41,52 triệu đồng).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: năm 2024 ước thực hiện tăng trên 8,23%, Nghị quyết HĐND là 11% (không đạt KH). Năm 2025 UBND tỉnh tiếp tục xây dựng chỉ tiêu tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11%.

- Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường đạt 85% trong khi năm 2024 ước chỉ đạt 63%. Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa đạt 100%, năm 2024 ước chỉ đạt 95%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%, năm 2024 ước thực hiện đạt 54,6%.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100,0%.

- Chỉ tiêu số hộ đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà sẽ hoàn thành trong năm 2024, không đưa chỉ tiêu này vào Nghị quyết năm 2025. Theo báo cáo của UBND tỉnh, đến thời điểm 31/10/2024 mới thực hiện được 921 hộ và ước hết năm 2024 thực hiện được 3.324 hộ hoàn thành chỉ tiêu? Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh khẳng định sẽ hoàn thành chỉ tiêu này trong năm 2024?

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,7% (cao hơn so với chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày

⁷ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/11/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025

⁸ Nghị quyết số 50/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Cao Bằng

29/4/2022 (97%)), trong khi năm 2024 ước thực hiện là 94,7% và không đạt kế hoạch đề ra của năm 2024 là 97%.

- Chỉ tiêu xã được công nhận đạt tiêu chí công thôn mới (*chỉ tiêu ít nhất 13 xã đạt tiêu chí nông thôn mới*): Năm 2024, chỉ tiêu về nông thôn mới chưa hoàn thành mục tiêu (*năm 2024 phấn đấu tăng thêm 5 xã đạt từ 17 - 18 tiêu chí nông thôn mới, nhưng hết tháng 10/2024 mới chỉ đạt 2 xã*), trong khi đó kế hoạch năm 2025 đối với chỉ tiêu này đang đưa ra mục tiêu rất cao.

(3) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung biểu: So sánh dự kiến kết quả thực hiện đến hết năm 2025 so với chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và khả năng hoàn thành các mục tiêu đặt ra tại kế hoạch 2021-2025 (các chỉ tiêu đưa về cùng đơn vị theo kế hoạch trung hạn để dễ đánh giá, ví dụ: chỉ tiêu Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn tại kế hoạch trung hạn đưa ra bình quân hàng năm tăng 12%, tuy nhiên hàng năm lại báo cáo số thu tuyệt đối, tương tự là các chỉ tiêu Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn, cơ cấu các ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản, Công nghiệp-xây dựng, Dịch vụ ...).

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h00 ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

XI. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 10)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 10) trình HĐND tỉnh là phù hợp, đúng thẩm quyền HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 67 của Luật Đầu tư công năm 2019.

3. Về nội dung Nghị quyết

- Phân bổ chi tiết số vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tỉnh bố trí) để thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho 11 dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Điều chỉnh phân vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết đã thực hiện phân bổ chi tiết:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của 09 nhiệm vụ/ dự án với số vốn là 16.755,213 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 với số vốn là 16.755,213 triệu đồng để hỗ trợ đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

4.1. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo số vốn NSDP năm 2025 cần phải đối ứng các chương trình, dự án theo quy định

- Tổng số vốn NSDP năm 2025 tỉnh cần bố trí để đối ứng cho các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 là bao nhiêu?

- Tổng số vốn NSDP năm 2025 tỉnh cần để bố trí để đối ứng cho dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) là bao nhiêu? Trong đó làm rõ số vốn đã bố trí theo cam kết đối ứng của tỉnh từ nguồn vốn NSDP tỉnh bố trí, cụ thể:

+ Nguồn Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: Số vốn đã bố trí hết 2024? Số vốn cần bố trí 2025?

+ Thu sử dụng đất: Số vốn đã bố trí hết 2024? Số vốn cần bố trí 2025?

+ Tăng thu ngân sách địa phương (Bao gồm tăng thu từ sử dụng đất): Số vốn đã bố trí hết 2024? Số vốn cần bố trí 2025?

- Tổng số vốn NSDP năm 2025 tỉnh cần bố trí để đối ứng cho các dự án ODA là bao nhiêu?

- Tổng số vốn NSDP năm 2025 tỉnh cần bố trí cho các dự án: Trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng tỉnh Cao Bằng; Trụ sở làm việc của các sở, ngành tỉnh Cao Bằng?

4.2. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo số vốn dự phòng NSDP trong kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại chưa phân bổ?

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ số vốn đối ứng khoảng 4-5 tỷ đồng để thực hiện dự án hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng trong năm 2025: từ nguồn dự phòng chưa phân bổ theo quy định tại Điều b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

4.3. Ban KT-NS đề nghị bổ sung danh mục dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (lần 10)

- Ban KT-NS và đại biểu tham gia dự họp đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh rà soát, bố trí vốn đối ứng để khởi động dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng trong tháng 3/2025 theo cam kết của UBND tỉnh Cao Bằng về việc đệ trình đề xuất dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của KOICA, cam kết bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chính phủ và Nhà tài trợ và phúc đáp nội

dung Thư về khởi động Dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của KOICA tại tỉnh Cao Bằng tại Công văn số 2209/UBND-TH ngày 24/8/2021; Công văn số 2221/UBND-TH ngày 24/8/2022; Công văn số 2057/UBND-TH ngày 12/8/2024. Tổng số vốn bố trí đối ứng cho dự án khoảng 4-5 tỷ đồng theo Thông báo số 460/TB-VP ngày 02/12/2024 Thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 11 năm 2024.

- Trong trường hợp UBND tỉnh báo cáo không có vốn để đối ứng cho dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng, Ban KT-NS và các đại biểu tham gia dự họp thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định ưu tiên bố trí với đối ứng cho dự án 01 tỷ đồng để bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025, theo cam kết đối ứng của UBND tỉnh với nhà tài trợ khởi động dự án vào tháng 3/2025.

Nguồn vốn để bố trí cho dự án Ban KT-NS và các đại biểu tham gia dự họp thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định từ nguồn vốn: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tỉnh bố trí) thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030: 5.315 triệu đồng (tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh).

4.4. Đối với nội dung bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ các nội dung:

(1) 11 dự án UBND tỉnh trình chuẩn bị đầu tư (chi tiết như biểu kèm theo dự thảo nghị quyết) dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030: bao nhiêu dự án có ý kiến kết luận về chủ trương của Ban thường vụ Tỉnh ủy?

(2) Căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí để lựa chọn 11 dự án (chi tiết như biểu kèm theo dự thảo nghị quyết) dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030?

(3) Căn cứ, định mức để phân bổ số vốn 5.315 triệu đồng chuẩn bị đầu tư cho 11 dự án nêu trên?

(4) Báo cáo tổng số vốn Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước cần để bố trí cho 11 dự án thực hiện khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030 là bao nhiêu? 11 dự án thực hiện khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030 chiếm bao nhiêu % trong tổng nguồn vốn Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước? Nguồn vốn Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước giai đoạn 2026-2030 có đảm bảo thực hiện 11 dự án nêu trên?

(5) Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 22 (chuyên đề). Tuy nhiên, trong 11 dự án bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, Ban KT-NS đề nghị xem xét sự cần thiết, thứ tự ưu tiên để bố trí vốn chuẩn bị đầu tư đối với một số dự án cụ thể:

- Đối với 04 dự án trọng điểm đã được Ban thường vụ tỉnh ủy cho chủ trương định hướng:

+ Ban KT-NS nhất trí đối với 02 dự án trọng điểm đã được Ban thường vụ tỉnh ủy cho chủ trương gồm: Đầu tư, xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Xây dựng trụ sở mới trụ sở Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Cao Bằng.

+ Đối với 02 dự án trọng điểm đã được Ban thường vụ tỉnh ủy cho chủ trương gồm: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (Giai đoạn 2); Đường giao thông kết nối nút giao Lũng Luông tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đến cửa khẩu quốc tế Tà Lùng. Ban KT-NS và các đại biểu mời dự họp đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tiếp tục nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng xem xét sự cần thiết cần nhắc bố trí vốn chuẩn bị đầu tư ngay trong năm 2025.

- Đối với 06 chưa xin ý kiến của Ban thường vụ tỉnh ủy cho chủ trương định hướng: Ban KT-NS và các đại biểu dự họp chưa nhất trí bố trí vốn đối với 06 dự án tại kỳ họp này, Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xem xét, bố trí chuẩn bị đầu tư tại kỳ họp sau. Bao gồm các dự án:

+ Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030;

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp nhà thiếu nhi Kim Đồng;

+ Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

+ Dự án Trường THPT Chuyên tỉnh Cao Bằng, Phường Hòa Chung, Thành phố Cao Bằng;

+ Dự án Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp Khu di tích Quốc gia đặc biệt di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;

+ Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và kết cấu hạ tầng Ban quản lý dự án Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng). Dự án nêu trên không có trong danh mục dự kiến giai đoạn 2026-2030 mà thuộc danh mục dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025, được dự kiến bố trí tại nguồn vốn dự phòng chung.

- Đối với dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật thuộc Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Cao Bằng, Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh rà soát xem xét bố trí đủ vốn trong giai đoạn 2021-2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

XII. Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng trình HĐND tỉnh là phù hợp, đúng thẩm quyền HĐND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 63 Luật Đầu tư công 2019.

3. Về nội dung Nghị quyết:

Tổng số vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Cao Bằng là 4.394.289,300 triệu đồng, bao gồm:

3.1. Vốn ngân sách nhà nước: 4.391.909 triệu đồng, bao gồm:

a. Vốn Ngân sách địa phương: 1.028.940 triệu đồng, bao gồm:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 841.940 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 172.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 15.000 triệu đồng

b. Vốn Ngân sách trung ương: 3.362.969 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước: 3.331.332 triệu đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 2.399.907 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư cho dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư: 1.594.227,107 triệu đồng.

- + Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 931.425 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài: 31.637 triệu đồng.

3.2. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 2.380,300 triệu đồng.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ các nội dung:

(1) Báo cáo tổng số vốn NSDP năm 2025 sau khi trừ đi các khoản cần bố trí để đối ứng: cho các CTMTQG; các dự án ODA; dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)?

(2) Bổ sung báo cáo chi tiết các thay đổi tại dự thảo Nghị quyết so với Kế hoạch đầu tư công dự kiến (Tờ trình số 1600/TTr-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh), nguyên nhân, lý do thay đổi?

(3) Khẳng định các dự án bố trí trong năm 2025 đảm bảo đã rà soát kỹ lưỡng, bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công?

(4) Đối với những nguồn vốn hiện nay Trung ương dự kiến cắt giảm, đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ số nguồn vốn, số vốn trung ương cắt giảm là bao nhiêu? Nếu trung ương cắt giảm vốn: bao nhiêu dự án bị ảnh hưởng và thiếu vốn? Dự kiến phương án bố trí số vốn do trung ương cắt giảm như thế nào? Nguyên nhân Trung ương cắt giảm và trách nhiệm của các cơ quan liên quan?

(5) Ban KT-NS và các đại biểu tham gia dự họp thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh rà soát, ưu tiên bố trí với đối ứng cho dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng trong kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo

Thông báo số 460/TB-VP ngày 02/12/2024 Thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch HĐND tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 11 năm 2024.

Trong trường hợp UBND tỉnh báo cáo không có vốn để đối ứng cho dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng, Ban KT-NS và các đại biểu tham gia dự họp thẩm tra đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định ưu tiên bố trí với đối ứng cho dự án 01 tỷ đồng để bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tỉnh bố trí) thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030: 5.315 triệu đồng (tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh).

(6) Tại các biểu, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát lại số liệu đảm bảo tổng số vốn bố trí không vượt quá trung hạn, cụ thể:

- Tại biểu 1: Ngân sách Trung ương vốn trong nước, tổng kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 đến năm 2024 là 4.789.610,0 triệu đồng, dự kiến 2025 là 3.331.332,0 triệu đồng, tổng vốn là 8.120.942,0 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 6.877.417,0 triệu đồng?

- Tại Biểu số 03:

+ Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa: tổng kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 đến năm 2024 là 97.428,535 triệu đồng, dự kiến 2025 là 103.005,143 triệu đồng, tổng vốn là 200.433,678 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 200.000 triệu đồng?

+ Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng: tổng kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 đến năm 2024 là 103.250,000 triệu đồng, dự kiến 2025 là 100.021,543 triệu đồng, tổng vốn là 203.271,543 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 200.000 triệu đồng?

+ Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư: Cột vốn NSTW, tổng kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 đến năm 2024 là 1.174.117,0 triệu đồng, dự kiến 2025 là 1.594.227,107 triệu đồng, tổng vốn là 2.768.344,107 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.500.000 triệu đồng?

- Tại Biểu số 04:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Cột Tổng số các nguồn vốn, Lũy kế vốn đầu tư đã bố trí đến hết năm 2024 là 3.865.325,0 triệu đồng, dự kiến 2025 là 1.868.557,0 triệu đồng, tổng vốn là 5.733.882,0 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.856.553,600 triệu đồng?

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Cột Tổng số các nguồn vốn, Lũy kế vốn đầu tư đã bố trí đến hết năm 2024 là 2.324.159,0 triệu đồng, dự kiến 2025 là 677.440,6 triệu đồng, tổng vốn là 3.001.599,60 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 1.646.397,0 triệu đồng?

- Biểu số 05: dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án Tỉnh Cao Bằng: Cột Tổng số các nguồn vốn, Lũy kế vốn đầu tư đã bố trí đến hết năm 2024 là 824.214,0 triệu đồng, dự kiến 2025 là 23.320,0 triệu đồng, tổng vốn là 847.534,0 triệu đồng lớn hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 824.214,0 triệu đồng.

(7) Tại Biểu số 02:

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ: Phần vốn hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, dự kiến thiếu khoảng 5.027,261 triệu đồng so với trung hạn. Tuy nhiên, dự kiến bố trí cho 03 huyện bố trí đủ vốn (Quảng Hòa, Hòa An, Thành phố) trong khi một số đơn vị bố trí ít so với kế hoạch trung hạn (Nguyên Bình, Hà Quảng được bố trí khoảng 24%)?

(8) Tại Biểu số 04: Phần vốn NSDP (phần vốn đối ứng), Lũy kế vốn đầu tư đã bố trí đến hết năm 2024 là 152.288,000 triệu đồng, dự kiến 2025 là 11.727,952 triệu đồng, tổng vốn là 164.015,952 triệu đồng nhỏ hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 232.319,813 triệu đồng, như vậy thiếu khoảng 68.303,861 triệu đồng, đề nghị làm rõ phương án xử lý và bổ sung văn bản dự kiến bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia của cấp trên?

(9) Đề nghị rà soát và bổ sung Quyết định phê duyệt dự án đối với các dự án khởi công mới trong năm 2025, cung cấp cho Ban KT-NS chậm nhất ngày 08/12/2024?

(10) Đề nghị tiếp tục tăng cường rà soát các dự án hoàn thành, phần vốn hết nhiệm vụ chi để sớm chuyển sang thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư, bố trí vốn cho các dự án khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

XIII. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh (lần 3)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 3) là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định khoản 1 Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Về nội dung Nghị quyết

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Điều chỉnh giảm vốn phân bổ cho Sở Thông tin và Truyền thông là 1.775 triệu đồng để tăng vốn cho Thành phố Cao Bằng là 1.775 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng giảm vốn nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh, Thạch An.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Điều chỉnh giảm vốn phân bổ cho Sở Lao động, Thương binh và xã hội là 338,257 triệu đồng để tăng vốn cho huyện Trùng Khánh là 338,257 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh giảm vốn phân bổ cho huyện Quảng Hòa là 559,680 triệu đồng, giảm vốn phân bổ cho huyện Nguyên Bình là 807 triệu đồng để tăng cho huyện Hòa An là 1.366,680 triệu đồng.

- Điều chỉnh biểu giao danh mục chi tiết dự án đầu tư 2021-2025 giao cho các sở, ban, ngành.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh rà soát, giải trình bổ sung đối với một số nội dung sau:

(1) Rà soát lại số liệu tại các biểu và thống nhất với phần lời tại dự thảo Nghị quyết, cụ thể: Số liệu Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phần lời là 1.775 triệu đồng; phần biểu là 1.776 triệu đồng và rà soát số liệu của nội dung này tại phụ biểu 1 (số liệu TMDT là 23.573 triệu đồng, sau điều chỉnh là 23.572 triệu đồng)

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới điều chỉnh số vốn 1.366,680 triệu đồng.

- Tại Tờ trình của UBND tỉnh (Tờ trình số 3288/TTr-UBND), số vốn hết nhiệm vụ chi là 1.483,855 triệu đồng, như vậy phần còn lại hết nhiệm vụ chi chưa đề xuất điều chỉnh là 117,175 triệu đồng xử lý như thế nào?

- Huyện Quảng Hòa và huyện Nguyên Bình đều chưa đạt được các chỉ tiêu về nông thôn mới trong khi nguồn vốn nêu trên là vốn đầu tư, được phép kéo dài sang năm 2025 để thực hiện. Việc điều chỉnh vốn của 02 đơn vị huyện Quảng Hòa, huyện Nguyên Bình là chưa phù hợp. Ban KT-NS đề nghị không điều chỉnh số vốn đầu tư của huyện Quảng Hòa và huyện Nguyên Bình sang cho huyện Hòa An.

(3) Ban KT-NS đề nghị bổ sung các văn bản của các đơn vị đề nghị điều chỉnh gửi lại Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh để lưu hồ sơ theo quy định.

(4) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết:

- Phần căn cứ: Đề nghị bổ sung thêm căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tại Điều 2, Điều 3 xem xét chỉnh sửa thống nhất như nội dung tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 và Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 12/7/2024.

(5) Đối với biểu kèm theo:

- Tại phụ lục 1, rà soát và lược bỏ các nội dung không bố trí vốn (phần số liệu “0,000 triệu đồng”) tại các cột sau điều chỉnh thống nhất với các cột trước điều chỉnh.

- Đối với phụ biểu 1, đề nghị bổ sung số liệu của “Dự án ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo ANTT vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” đầy đủ như dự án “Đầu tư xây dựng sàn giao dịch việc làm (trực tiếp, trực tuyến); kết nối Cung - Cầu lao động (Giai đoạn 2)” (Phần hàng ngang ghi thuộc tiểu dự án, dự án nào? Phần cột ghi các mục địa điểm, quy mô đầu tư, thời gian KC-HT, Số Quyết định đầu tư, TMĐT).

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

XIV. Nghị quyết về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Mục 2 Văn bản số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v thực hiện một số Quy định của Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

3. Về nội dung Nghị quyết

- Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước là 966.371,952 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 954.644 triệu đồng (Vốn đầu tư: 931.425 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 23.219 triệu đồng); Đối ứng ngân sách địa phương là 11.727,952 triệu đồng (Vốn đầu tư), cụ thể:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi 621.769 triệu đồng (Vốn đầu tư ngân sách trung ương 621.769 triệu đồng).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 253.806 triệu đồng (Vốn đầu tư Ngân sách trung ương: 253.806 triệu đồng).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 90.796,952 triệu đồng, trong đó: Vốn Ngân sách trung ương: 79.069 triệu đồng (Vốn đầu tư:

55.850 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 23.219 triệu đồng); Đối ứng ngân sách tỉnh: 11.727,952 triệu đồng.

- Phân bổ chi tiết dự án đầu tư cho các sở, ban, ngành của tỉnh với Tổng số vốn là 26.653,443 triệu đồng (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh rà soát, giải trình một số nội dung sau:

(1) Đối với phần vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đề nghị ghi rõ công văn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tại biểu kèm theo hồ sơ, đề nghị rà soát và giải trình số liệu, cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng.

| Nội dung | Tổng số | Phân bổ chung theo quy định | Phân bổ thực hiện 06 Chương trình chuyên đề | Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương |
|-----------------|----------------|------------------------------------|--|--|
| Dự thảo NQ | 23.219 | 9.759 | 12.560 | 900 |
| Biểu của TW | 23.219 | 7.104 | 14.915 | 1.200 |
| Chênh lệch | 0 | 2.655 | -2.355 | -300 |

- Đối với số liệu nguồn vốn sự nghiệp của 02 CTMTQG còn lại, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung số vốn sự nghiệp TW giao cho tỉnh?

(2) Tại tờ trình số 3135/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công tỉnh Cao Bằng năm 2025, Biểu số 04 (Kế hoạch vốn đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia): Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh làm rõ nguyên nhân lý do:

- Phần vốn đầu tư: Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn thiếu 109.651,0 triệu đồng so với Kế hoạch trung hạn 2021-2025.

- Phần vốn đối ứng: Thiếu 68.303,861 triệu đồng so với Kế hoạch trung hạn 2021-2025 (Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 46.210,600 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 8.056,0 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 14.037,261 triệu đồng)

- Năm 2025 là năm cuối cùng của giai đoạn trung hạn, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cung cấp số liệu minh chứng cho việc bố trí vốn đối ứng (tỉnh đối ứng, huyện đối ứng) đã đảm bảo, đầy đủ theo kế hoạch trung hạn.

(3) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Phần căn cứ: Đề nghị bổ sung thêm căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 3).

- Tại điều 2, đề nghị UBND tỉnh sửa như tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về Về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

XV. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự ngày 11/01/2022, điểm c khoản 1 Điều 1 quy định “... *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, ...*”.

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7, Điều 17, Luật Đầu tư công năm 2019.

3. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Chủ đầu tư: Ban Điều phối Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Cao Bằng.

- Nhà tài trợ: Chính phủ Hàn Quốc, thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA).

- Quy mô đầu tư: Dự án gồm 4 hợp phần:
 - + Hợp phần 1: Tăng cường cơ sở hạ tầng sản xuất và phân phối.
 - + Hợp phần 2: Nâng cấp quy trình chế biến sản phẩm.
 - + Hợp phần 3: Mở rộng khả năng tiếp cận thị trường.
 - + Hợp phần 4: Quản lý dự án.
- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Tổng mức đầu tư dự án, cơ cấu nguồn vốn:
 - + Tổng mức đầu tư: 286,600 tỷ đồng, tương đương 11,816 triệu đô la Mỹ.
 - + Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ODA không hoàn lại: 10,00 triệu đô la Mỹ, tương đương 242,55 tỷ đồng; Vốn đối ứng: 44,05 tỷ đồng, tương đương 1,816 triệu đô la Mỹ
- Địa điểm thực hiện: Huyện Thạch An, Nguyên Bình và Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2029.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản: Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy đối với chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng.

(2) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung Báo cáo Thẩm định nguồn vốn của cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư công.

(3) Theo cam kết của UBND tỉnh Cao Bằng cam kết bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chính phủ và Nhà tài trợ; đồng thời có văn bản phúc đáp nội dung Thư về khởi động Dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của KOICA tại tỉnh Cao Bằng tại Công văn số 2209/UBND-TH ngày 24/8/2021; Công văn số 2221/UBND-TH ngày 24/8/2022; Công văn số 2057/UBND-TH ngày 12/8/2024: *“UBND tỉnh Cao Bằng sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập, thẩm định và trình phê duyệt dự án để phân đấu khởi động dự án trong tháng 3 năm 2025”*: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ lý do, nguyên nhân chưa trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện dự án trong giai đoạn 2021-2025?

(4) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ nguyên nhân, lý do không tham mưu phân bổ số vốn đối ứng thực hiện dự án hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng: từ nguồn dự phòng chưa phân bổ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ

vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng?

(5) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Tại khoản 4 điều 1: Đề nghị viết gọn lại phần mục tiêu cụ thể.
- Tại khoản 8 điều 1: Đề nghị viết gọn lại như sau:

“ 8. Cơ chế tài chính trong nước:

a) Đối với vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc

Ngân sách nhà nước cấp phát 100% đối với phần vốn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, giải ngân theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

b) Đối với vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng bố trí 100% vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương”.

(6) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung Dự án hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở khu vực miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Cao Bằng vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại Kỳ họp thứ 26.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h00 ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

VXI. Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Dự án Khu tái định cư Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Khu tái định cư Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 7 Điều 17, khoản 1 Điều 34, khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

4.3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

* Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, cụ thể:

| Nội dung điều chỉnh | Đã phê duyệt (tại Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 22/11/2021) | Điều chỉnh |
|----------------------------|---|-------------------|
| Thời gian thực hiện dự án | 2022-2024 | 2022-2026 |

4.4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Về thời gian thực hiện dự án: Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí điều chỉnh như đề xuất của UBND (*từ năm 2022 - 2024 thành năm 2022 - 2026*).

(2) Đối với tiến độ thực hiện, tại Báo cáo số 621/BC-UBND ngày 12/11/2024 của UBND nhân dân huyện Trùng Khánh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Tháng 3-12/2025: Triển khai thi công xây dựng công trình; tháng 01-02/2026 là kết thúc dự án và triển khai quyết toán dự án hoàn thành. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành toàn bộ và bàn giao công trình vào năm 2025, năm 2026 chỉ thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

(3) Đối với nội dung quy mô, tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt từ năm 2021, đến nay gần hết năm 2024 một số nội dung khối lượng dự toán có thể thay đổi về định mức, đơn giá, trượt giá ... Tuy nhiên, UBND tỉnh không đề xuất điều chỉnh những nội dung trên. Ban KT-NS đề nghị chủ đầu tư rà soát toàn bộ các nội dung còn lại đã được phê duyệt tại Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 và khẳng định tổng mức đầu tư của dự án đảm bảo thực hiện hoàn thành dự án, không đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2).

Ban KT-NS thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

XVII. Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 213 (Thị trấn Trùng Khánh - Cửa khẩu Pò Peo, xã Ngọc Côn), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, thẩm quyền ban hành nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 213 (Thị trấn Trùng Khánh - Cửa khẩu Pò Peo, xã Ngọc Côn), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 17, khoản 1 Điều 34, khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

3. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình

| STT | Nội dung điều chỉnh | Đã phê duyệt (tại Văn bản số 337/HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng) | Điều chỉnh |
|-----|---------------------|---|---|
| 1 | Quy mô đầu tư | - Chiều dài tuyến 22 Km. | - Chiều dài tuyến 20,171 Km. + Đầu tuyến kết nối với đường QL4A Lý trình Km199+253,08m. + Cuối tuyến tại xóm Pò Peo, xã Ngọc Côn thuộc đường TL213 Lý trình |

| | | | |
|---|-------------------------------------|--|--|
| | | | Km20+302,07m. |
| 2 | Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn | - Tổng mức đầu tư: 200,000 tỷ đồng. - Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác 180 tỷ đồng; Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 89/NQ-CP là 20 tỷ đồng | - Tổng mức đầu tư: 191.121,480 triệu đồng. - Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác 171.121,480 triệu đồng; Tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 89/NQ-CP là 20.000 triệu đồng. |
| 3 | Tiến độ triển khai thực hiện | Năm 2019 - 2020 | Năm 2019 - 2025 |

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Cơ cấu nguồn vốn: Báo cáo số 640/BC-UBND ngày 15/11/2024 ghi Ngân sách tỉnh bố trí 170 tỷ đồng (đã bố trí đủ vốn); Ngân sách huyện đối ứng: 10 tỷ đồng. Sau khi điều chỉnh giảm Ngân sách huyện đối ứng chỉ còn 1,12148 tỷ đồng, phần vốn đối ứng còn lại gần 8,9 tỷ đồng. Ban KT-NS, đề nghị UBND huyện Trùng Khánh tiếp tục nghiên cứu bố trí vốn triển khai dự án mới đối với những hạng mục cắt giảm khi đủ điều kiện thực hiện theo quy định.

(2) Tiến độ triển khai thực hiện:

- Điều chỉnh thành Năm 2019 - 2025: Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí. Tuy nhiên, Ban đề nghị xem xét chỉnh sửa lại thành “Thời gian thực hiện dự án” cho phù hợp với mẫu số 09 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công, cụ thể:

| TT | Nội dung điều chỉnh | Đã phê duyệt (tại Văn bản số 337/HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng) | Điều chỉnh |
|----|---------------------|---|--|
| | Nội dung khác | Tiến độ triển khai thực hiện: Năm 2019 - 2020 | Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2025 |

- Đối với nội dung điều chỉnh thời gian thực hiện: theo văn bản của Thường trực HĐND tỉnh năm 2020 hết thời gian thực hiện, đề nghị chủ đầu tư giải trình lý do đến hiện nay mới đề nghị điều chỉnh.

(3) Đối với Văn bản số 337/HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 là Văn bản của Thường trực HĐND tỉnh, đề nghị rà soát chỉnh sửa chính xác (hiện nay ghi là HĐND tỉnh).

Ban KT-NS thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

XVIII. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) dự án: “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các

tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”- Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: Hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tài liệu gửi kèm theo đủ điều kiện để tổ chức thẩm tra.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

- HĐND tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 theo quy định của Luật ngày 11 tháng 01 năm 2022 về sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý*”.

3.3. Về nội dung Nghị quyết

- Điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư dự án

| Nội dung | Đã phê duyệt tại Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Đề nghị điều chỉnh |
|-----------------------|---|---|
| Tổng vốn đầu tư dự án | Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng: Vốn vay ADB là 33,75 triệu USD, vốn đối ứng tương đương 9,916 triệu USD | Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng: Vốn vay ADB là 33,75 triệu USD; Vốn đối ứng 253.489 triệu đồng tương đương 11,297 triệu USD (<i>vốn đối ứng ngân sách địa phương tăng thêm 30.974 triệu đồng</i>) |

- Phê duyệt kéo dài thời gian bố trí vốn: Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương và vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ đến hết năm 2025.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh rà soát, giải trình bổ sung đối với một số nội dung sau:

(1) Hồ sơ dự thảo Nghị quyết UBND tỉnh trình rất muộn (Theo Thông báo số 534/TB-HĐND ngày 01/11/2024 của Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất ngày 18/11/2024. Tuy nhiên, đến 14h ngày 03/12/2024 khi họp thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách mới nhận được hồ sơ. Nên Ban KT-NS không có thời gian nghiên cứu tài liệu để thẩm tra.

(2) Khi thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (lần 1), Kiểm toán nhà nước đã có ý kiến về thẩm quyền điều chỉnh, Ban KT-NS đề nghị UBND

tỉnh bổ sung văn bản liên quan để khẳng định lại đúng thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư của HĐND tỉnh.

(3) Đối với việc điều chỉnh các dự án thành phần đã hoàn thành:

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NG-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công: *“Điều 11. Các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C*

2. Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 43 của Luật Đầu tư công.”

- Hiện nay 02 Dự án thành phần UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh: Đường tỉnh 206 (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) - Cửa khẩu Lý Vạn (xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang), tỉnh Cao Bằng và Dự án thành phần: Đường giao thông Tỉnh Túc - Phan Thanh - Mai Long (huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) - Pác Nặm (tỉnh Bắc Kạn) đã thi công hoàn thành 100% khối lượng của dự án, bàn giao toàn bộ dự án đưa vào khai thác, sử dụng, dự án đang trong thời gian bảo hành công trình xây dựng. Ban KT-NS và các đại biểu tham gia dự họp thẩm tra đề nghị UBND tỉnh làm rõ căn cứ pháp lý để điều chỉnh giá hợp đồng gói thầu xây lắp? Đồng thời, khẳng định việc điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) đảm bảo đủ căn cứ pháp lý và đúng thẩm quyền đối với nội dung điều chỉnh cho 02 dự án thành phần trên?

(3) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản của Thường trực Tỉnh ủy đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) dự án: “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”- Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng.

(4) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ căn cứ pháp lý và các văn bản liên quan để đề xuất điều chỉnh các nội dung (Điều chỉnh giá hợp đồng gói thầu xây lắp: Đường tỉnh 206 (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) - Cửa khẩu Lý Vạn (xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang), tỉnh Cao Bằng là 15.043 triệu đồng; Đường Giao thông Tỉnh Túc - Phan Thanh - Mai Long (huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) - Pác Nặm (tỉnh Bắc Kạn) là 12.753 triệu đồng; Cấp nước sinh hoạt thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng là 3.178 triệu đồng)?

(5) Về nguồn vốn bố trí cho dự án: 30.974 triệu đồng từ vốn đối ứng ngân sách địa phương, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ nguồn vốn bố trí cho dự án trên?

- Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư công:

“Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công

1. Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. *Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng vốn đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.*”

Do vậy, việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh khi chưa xác định được nguồn vốn là không đúng quy định của Luật Đầu tư công.

(6) Ban KT-NS và các đại biểu dự họp thẩm tra thống nhất đề nghị: HĐND tỉnh giao UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh uỷ về chủ trương điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án, bổ sung căn cứ pháp lý cho phép điều chỉnh đối với các gói thầu xây lắp đã bàn giao đưa vào sử dụng, tiếp tục rà soát kỹ lưỡng các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định, rà soát lại tất cả các nguồn vốn đảm bảo bố trí cho dự án và trình HĐND tỉnh tại kỳ họp sau.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát và có giải trình bằng Văn bản đối với những nội dung có ý kiến bên trên và gửi đến Ban KT-NS HĐND tỉnh chậm nhất 17h ngày 07/12/2024.

Ban KT-NS đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 26, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 – 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- LĐ Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

La Văn Hồng